

Bản án số: 675/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thor

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 58 đường 496, ấp 4, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Tấn T, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 58 đường 496, ấp 4, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 07/4/2021 và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà và ông Hồ Tấn T tự nguyện sống chung vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 27/10/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống thuận hòa, hạnh phúc, một thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau, ông T không có trách nhiệm, dẫn đến cãi vã, không thể tiếp tục sống chung được nữa. Bà và ông T không còn sống chung đến nay gần 01 năm, nên khả năng đoàn tụ không có, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được xin ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định không có.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 07/4/2021, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 30, ấp 4, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Tấn T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 27/10/2015, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, Nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được. Tòa án nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng, đồng thời bà H xác định hiện bà và ông T không còn sống chung được 01 năm. Do vậy, Tòa án không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Tấn T là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định không có.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

**1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Tấn T.

*(Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Tấn T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 27/10/2015 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)*

**2. Về nuôi con chung:** Nguyên đơn xác định không có.

**3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung:** Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0086123 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà H đã nộp đủ tiền án phí.**

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thơ**

